

Giữ gìn và khai thác giá trị các di sản văn hoá

(TIẾP CẬN DƯỚI ÁNH SÁNG ĐỀ CƯƠNG VĂN HOÁ 1943)

PHẠM ĐỨC DƯƠNG*

Chúng tôi đã hoàn thành công trình nghiên cứu về tiếp xúc văn hoá ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử và phân nào giải mã tâm thức ứng xử của người Việt với các nền văn hoá ngoại lai. Theo chúng tôi, ở nước ta có 4 lần tiếp xúc văn hoá dẫn tới sự thay đổi mô hình:

Lần thứ nhất tiếp xúc văn hoá giữa các dân tộc ở Đông Nam Á tại châu thổ sông Hồng, chủ yếu là giữa hai nhóm cư dân Môn-Khmer làm rẫy ở trên núi và cư dân Tày-Thái cổ ở quanh vịnh Hà Nội. Kết quả, đã hình thành cộng đồng người Việt cổ với nền văn hoá nông nghiệp lúa nước vùng châu thổ, được huyền thoại ghi bằng mô thức lưỡng hợp: mẹ Tiên bố Rồng.

Lần thứ hai tiếp xúc giữa người Việt và các dân tộc với văn hoá Hán và văn hoá Ấn Độ, đã hình thành nền văn hoá quốc gia dân tộc với cấu trúc phức hợp gồm 2 dòng: Văn hoá bác học (hay cung đình) mô phỏng theo mô hình Trung Hoa và Ấn Độ; văn hoá bình dân (văn hoá dân gian) bảo lưu văn hoá lúa nước bản địa.

Lần thứ ba tiếp xúc với văn hoá Pháp và phương Tây đã hiện đại hoá nền văn hoá Việt Nam với hai thành tố: Văn hoá hiện đại mô phỏng theo mô hình văn hoá Phương Tây; văn hoá dân tộc hợp lưu cả văn hoá bác học và văn hoá bình dân.

Lần thứ tư tiếp xúc với văn hoá xã hội chủ nghĩa. Khác với trước đây, sự tiếp xúc lần này mang tính tự giác và có cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác. Đề cương văn hoá 1943 là thể chế hoá thành văn bản những quan điểm

của Đảng Cộng sản Đông Dương khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác. Đó là định hướng xã hội chủ nghĩa của nền văn hoá Việt Nam - một nền văn hoá gắn bó máu thịt với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo với 3 nguyên tắc lớn: Dân tộc hoá, đại chúng hoá và khoa học hoá.

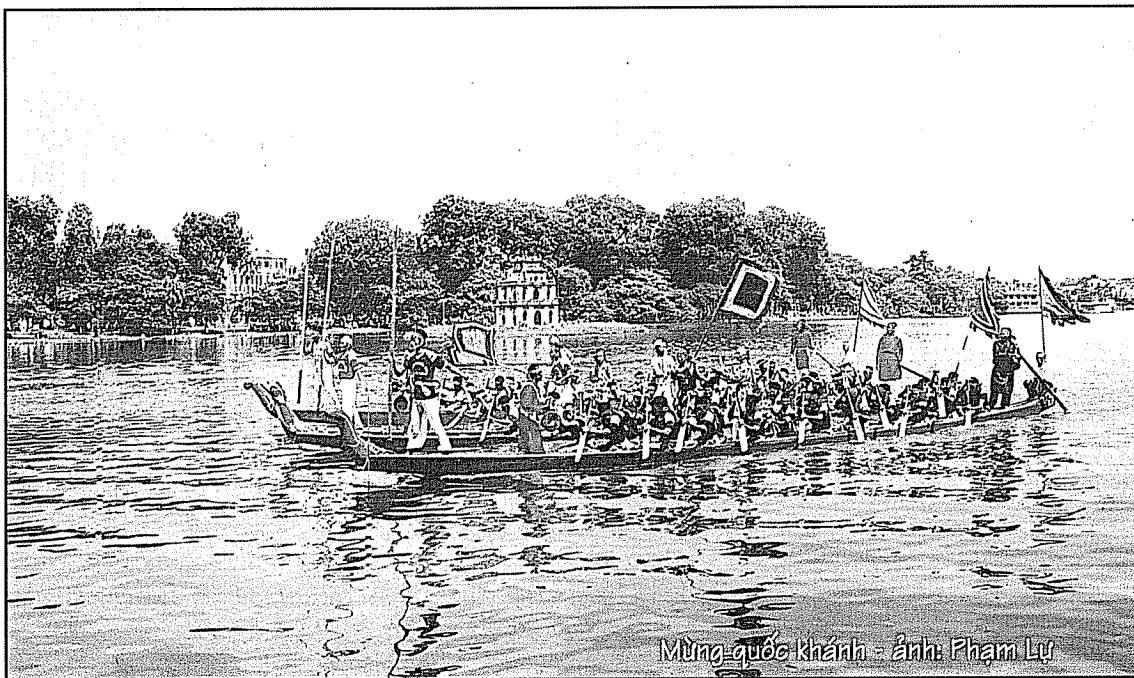
Trong tham luận đọc tại hội nghị khoa học kỷ niệm 60 năm Đề cương văn hoá 1943, tại Viện Văn hoá, trường Đại học Văn hoá Hà Nội, chúng tôi đã trình bày nhận thức của mình về những giá trị của bản đề cương, chúng tôi đã phân biệt mục tiêu và phương tiện của chủ nghĩa xã hội được đề ra trong đó. Những mục tiêu ấy chính là bó đuốc soi sáng cho cuộc cách mạng của dân tộc ta đi lên chủ nghĩa xã hội, có giá trị lâu dài, còn những công cụ, kể cả những khái niệm lúc bấy giờ thì nay đã bị vượt qua và chúng ta cần đổi mới tư duy cho phù hợp với nhận thức hiện đại. Nếu không, chúng ta sẽ bị tụt hậu và để lại hình ảnh con người Việt Nam rất đáng yêu, đáng tự hào trong quá khứ, nhưng lại bất cập trước đòi hỏi của cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Ở đây chúng tôi chỉ muốn đề cập tới vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể dưới quan điểm dân tộc - khoa học - đại chúng mà bản đề cương đã chỉ dẫn cho chúng ta suốt một nửa thế kỷ qua, và theo lời dạy của Bác Hồ: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải ra sức giữ nước", làm cho những giá trị của di sản quý báu được tiếp nối và đổi mới phù hợp với thời đại (giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa tính

*GS.TS

liên tục và tính đứt đoạn trong văn hoá, tức là giữa truyền thống và cách tân). Phải nói rằng chúng ta đã làm được rất nhiều việc, nhất là đã làm sống lại cả một quá khứ hào hùng, lịch sử của một dân tộc chiến đấu không mệt mỏi vì độc lập và tự do cho Tổ quốc, đã huy động cả lịch sử cha ông cùng chúng ta hành quân vào hai cuộc kháng chiến thần thánh dẫn tới thắng lợi và đang cổ vũ nhân dân ta đi vào công cuộc xây dựng đất nước. Tuy nhiên, trong khi nghiên cứu văn hoá Việt Nam, chúng tôi đã nhận ra một số lực cản, trong đó có tư duy cơ giới phân tích giản đơn của nền học vấn phương Tây thế kỷ XX. Cách tiếp cận này đã phân chia văn hoá vốn là một chỉnh thể, thành nhiều ngăn biệt lập và sắp xếp chúng một cách tùy tiện. Theo cách nói hiện đại của Claude Villereuve, thì kiến thức ngày nay càng chuyên môn hoá và manh mún giữa những cá nhân rất tài giỏi về một lĩnh vực, nhưng lại hầu như ngu dốt trong các kiến thức khác (1); nói theo các cụ là "thầy bói xem voi". Hình ảnh các bảo tàng là minh chứng đầy đủ cho phương pháp tư duy cơ giới. Người ta thu thập các di vật, tách khỏi môi trường sống của chúng rồi đem trưng bày trong các phòng bảo tàng và sắp xếp tùy tiện vào những ô, những ngăn với những khái niệm trừu tượng theo những mô hình, những sơ đồ quy giản sơ lược so với sự đa dạng, phức tạp vốn có của tự nhiên và con người. Mặt khác do nhận thức ấu trĩ về chủ nghĩa duy vật và tầm thường hoá nó đến

mức thô thiển, cho nên một thời, chúng ta đã tước đi những giá trị nhân bản trong đời sống tâm linh cũng như những bận tâm siêu hình của con người nhằm giải quyết những bi kịch, những nghịch lý mà tạo hoá đã đặt ra buộc con người, dù màu da gì, ở bất cứ đâu, bất cứ thời đại nào, đều phải trần trở, xoay sở đủ mọi cách để tìm lối thoát mà không bao giờ giải quyết được. Đó là mối quan hệ giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, giữa cái trần tục và cái thánh thiện, nghĩa là mối quan hệ giữa cái con (sinh vật) và cái Người (văn hoá) trong con người. Tất cả những giá trị văn hoá do con người tạo nên để giải quyết nghịch lý vĩ đại đó, được chúng ta nhân danh "chủ nghĩa duy vật" không chấp nhận đời sống tâm linh đã đẩy tất cả vào một rọ "duy tâm". Việc thờ cúng tổ tiên bị sao lãng, biết bao nhiêu chùa chiền bị phá, bao di sản bị hoang phế, bị đào bới để lấy đồ cổ đi bán, bao nhiêu lễ hội bị lãng quên...! Chúng ta đã cổ vũ tinh thần yêu nước và lòng dũng cảm vô song để đánh giặc giữ làng thật tuyệt vời, nhưng cũng vô tình đưa vào phong trào cách mạng của quần chúng một quan niệm "vô thần" dẫn tới nhận thức chưa được đầy đủ, khiến cho các di sản văn hoá truyền thống bị đập phá không run tay. Phải chăng đó là những điều đáng tiếc khó tránh khỏi trong không khí cách mạng sôi sục của một dân tộc? Trong tâm thức dân tộc xuất hiện một lỗ hổng giữa hiện tại và truyền thống. Và, tất nhiên sẽ xuất hiện một cách ứng



Mừng quốc khánh - Ảnh: Phạm Lưu

xử không công bằng với lịch sử. Chúng ta đề cao sự nghiệp của cách mạng (mà theo tôi còn phải đề cao hơn nữa bằng những phân tích khoa học và những cảm nhận sâu sắc của cái tâm trong sáng thuỷ chung) nhưng chúng ta lại đánh giá không đầy đủ các sự kiện lịch sử, những người anh hùng dân tộc của quá khứ.

Có một anh bạn nước ngoài đặt cho tôi một vấn đề rằng anh ta đã đi thăm các di tích cách mạng từ nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương, đến các đài tưởng niệm liệt sĩ của các xã, nhưng không biết Hàm Tử Quan, bến Chương Dương... nằm ở đâu. Rồi anh ta giải thích: Sở dĩ thế giới người ta suy tôn Trần Hưng Đạo, Võ Nguyên Giáp là 2 danh tướng thế giới bởi lẽ họ đã đánh bại những kẻ thù của thế giới; còn đánh nhau trong nước dù có nam chinh bắc chiến, dù tài giỏi đến đâu cũng chỉ có ý nghĩa trong một quốc gia.

Ở làng tôi có nhiều chí sỹ yêu nước, từ Đinh Lễ, Phan Đình Phùng, Trần Phú... nhưng cho đến nay cụ Phan vẫn chưa có được một ngôi nhà lưu niệm để chúng tôi đến thắp hương. Tôi hỏi anh cán bộ văn hoá quản lý di tích thì được anh ấy giải thích: tỉnh ta được phân công quản lý 2 người. Đó là cụ Nguyễn Du và đồng chí Trần Phú. Còn những người khác là do địa phương, các xã lo liệu. Tôi về chợ Tro ở Nam

Đàn đến thăm nhà lưu niệm cụ Phan Bội Châu, lòng tôi bồi hồi xúc động, bởi lẽ một con người vĩ đại như "Phan Bội Châu - bậc anh hùng - vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng..." (Nguyễn Ái Quốc), "Phan Bội Châu câu thơ dạy sống - Bạn cùng ai mưa gió dãi dầu" (Tố Hữu) thế mà lại sống giản dị trong một túp nhà nhỏ bé; mặt khác tôi lại cảm thấy sự vô tâm của chúng ta đến kinh ngạc, chưa sửa sang tu bổ, mở rộng di tích này để làm một điểm ngời sáng thu hút nhân dân, bạn bè năm châu bốn biển, như ngày nào thơ cụ đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của các dân tộc! Khi Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hoá Đông Tây - một tổ chức phi chính phủ thuộc Hội nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á học Việt Nam xuất bản bộ sách "Phan Bội Châu toàn tập" (lần thứ 2), chúng tôi rất xúc động vì GS.Chương Thâu, do lòng ngưỡng mộ cụ đã bỏ cả cuộc đời, một thân một mình, đơn thương độc mã đi vào Huế, đi khắp cả nước, đi Nhật Bản v.v... để thu thập tài liệu về Phan Bội Châu, rồi cùng với vài người bạn tâm huyết góp tiền để xuất bản bộ sách đó cho nhân dân trong và ngoài nước chiêm ngưỡng.

Một điều bức xúc cần phải bàn: Đó là việc gìn giữ và khai thác các di sản hữu thể. Các di sản văn hoá đang bị lấn chiếm, cắt vụn ra thành



Trống hội Văn Miếu - ảnh: tư liệu

nhiều mảnh và dần dần bị bào mòn đến thảm hại.

Khi nghiên cứu tâm lý tiểu nông của người Việt, chúng tôi phát hiện ra cái căn bệnh thâm căn cố đế xuyên suốt lịch sử của người Việt, đó là bệnh "đói không gian". Người Việt thích "con đàn cháu đống", do đó người ngày càng đông, ruộng đất không sinh sôi, sức ép dân số ngày càng tăng, hơn nữa họ lại thích "tụ hội" "xúm nhau" "tụm năm tụm ba" trong một cái làng, chen chúc, chật chội, bức bối. Thế là người ta phải ở cư "loán làng" (giống như xóm liêu ở thành phố), lấn chiếm, chen nhau. (Tôi chưa thấy ở đâu người ra lại chen nhau mất trật tự đến thế!) (3).

Thế là các di tích lịch sử bị cắt xén lấn chiếm một cách "khiếp đảm". Nếu ta vào xem Y miếu (vốn nằm trong quần thể di tích: Văn miếu, Võ miếu, Y miếu), thì nay lọt thỏm vào giữa một cái chợ xung quanh đủ mọi thứ, bị dân lấn chiếm, cả lối đi chỉ vền vện còn lại khoảng 100m²(4).

Một chiến dịch hành quân cấp tốc từ Nam ra Bắc, trận Ngọc Hồi, Đống Đa lừng danh Nguyễn Huệ đánh tan 20 vạn quân Thanh, nhưng hiện nay ở Hà Nội còn gì? Một cái gò Đống Đa bị lấn chiếm, ấn tượng về trận đánh oai hùng ấy chỉ được gợi lại hàng năm trong buổi họp mặt đầu xuân - ngày hội Đống Đa, diễn ra vài giờ... rồi lãng quên! Một cái đàn Nam Giao tế trời đất thần linh của triều đình nhà Nguyễn ở Huế có lúc bị sử dụng vào việc khác.

Chưa nói đâu xa, hồi năm ngoái (2002) chúng tôi đi du khảo Tây Bắc. Trước khi đi, nhà sử học Dương Trung Quốc có đến thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cụ bảo lên xem còn Điện Biên không? Mọi người ngạc nhiên, nhưng khi tới thăm di tích lịch sử vĩ đại này - vĩ đại cả về không gian và thời gian, biết bao hoành tráng, nay bị cắt xén, nát vụn và khó mà hình dung được chiến trường Điện Biên Phủ hùng vĩ năm xưa: Đồi A1 được xây thành một miệng hầm trong khu bảo tàng, hầm De Castrie bị xén còn khoảng vài sào đất được bao lại như một mảnh vườn, Cạnh đó là vườn trồng hồng, trồng cau; bên cầu Nậm Rốm chiếc xe tăng lẻ loi... Thay vì xây dựng một thành phố đẹp ven thung lũng, ven chân núi ôm ấp lấy những di tích lịch sử và tô đẹp chúng ngày càng khang trang, thì người ta lại xây đường phố thẳng băng trên lòng chảo Điện Biên - bằng phẳng như bất cứ thành

phố nào ở đồng bằng Bắc Bộ... Thế là di tích lịch sử Điện Biên Phủ bị xé vụn, bị nhòa đi trong một không gian phố phường có vẻ hiện đại!

Có thể nói, chúng ta đã lấn chiếm và xoá dần những di sản văn hoá hữu thể để đưa chúng vào trong ký ức thành văn hoá phi vật thể, mà ký ức thì ngày càng bị bào mòn trong các lớp người kế tiếp. Nói cách khác; thao tác của chúng ta là biến cái hữu thể thành cái vô thể. Chẳng thế mà khi chúng tôi tiến hành điều tra xã hội học về nhận thức văn hoá của thanh niên Hà Nội, thì rõ ràng cánh trẻ hiểu rất rõ một ngôi sao màn bạc hay sân cỏ, nhưng không có một nhân vật lịch sử dân tộc xưa nào được các em hiểu một cách tường tận, từ những người nổi tiếng như Cao Bá Quát, Hoàng Diệu, đến 5 cửa ô và các làng nghề cổ truyền!

Hiện nay, ở thành Đô (Tứ Xuyên-Trung Quốc) vẫn có một quang cảnh khác hẳn. Chúng tôi đến thăm nhà lưu niệm của Đỗ Phủ - một nhà thơ vĩ đại của Trung Quốc được tôn vinh là Thánh thi - Tôi có viết một bài với nhan đề: "Từ mái nhà tranh của Đỗ Phủ đến Thảo đường - một di sản văn hoá quốc gia". Người Trung Quốc dựa vào một di sản phi vật thể - cuộc đời và sự nghiệp thi ca của Đỗ Phủ đã sống ở đây 4 năm và viết trên 200 bài thơ... để dựng lại cả một công viên rộng 16ha, có cấu trúc theo phong cách nhà Thanh với 5 lớp nối tiếp: Cổng vào, bức tường xanh, tiền sảnh, phòng lịch sử thơ ca, nhà của Đỗ Phủ. Ngôi nhà này được dựng lại theo kiểu nhà truyền thống của dân Tứ Xuyên, nơi Đỗ Phủ ngắm trăng, "chén thù chén tạc" với các bạn làm thơ, nơi đàm đạo với quan chức... rồi người ra dựng cả một bảo tàng trưng bày tượng - gương mặt của những nhà thơ đương thời... Ai đến Thành Đô cũng phải ghé thăm Thảo đường, đến nỗi bức tượng đồng của ông, bộ râu được mọi người vuốt sáng loáng!

Trở lại thăm miếu thờ Lưu Bị - một ngôi mộ đất tròn lớn theo kiểu mộ các vua nhà Hán (đó là di sản hữu thể còn lại), người ta dựng lại cả cuộc đời và sự nghiệp của Lưu Bị: nào là câu chuyện "Kết nghĩa vườn đào" với tượng và nơi thờ Lưu Bị, Trương Phi, Quan Vân Trường, rồi đến miếu thờ Gia Cát Lượng, rồi đến những bức tượng các nhân vật thời bấy giờ được dựng hai bên lề của con đường Vương Đạo! ở đó có cả chiếc trống đồng kiểu Đông Sơn, tương truyền là Khổng Minh cho đúc để khi ra trận thổi thúc

ba quân, khi lui binh dùng làm nồi nấu cơm. Tất cả đều được xây lại mới. Triều đại này tu bổ, đến triều đại khác thêm vào... Khách tham quan đến thăm nườm nượp. Cả một di sản phi vật thể được vật thể hoá với những biểu tượng của nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật ngôn từ gây ấn tượng mạnh mẽ cho người xem. Thực hư lẫn lộn, khó phân biệt cổ kim. Bất giác, chúng tôi liên hệ tới lăng Ngô Quyền mà chúng ta xây dựng ở làng Đường Lâm. Trước sau người ta cũng chỉ thấy một lăng mộ, và chẳng có gì để nói lên sự nghiệp dựng nước của Ngô Quyền, ngoài lời thuyết minh của người hướng dẫn. Mà mấy ai đã đến thăm!

So sánh với cách ứng xử của Việt Nam và Trung Quốc ta thấy 2 phương pháp thao tác rất khác nhau: Người Trung Quốc đã hữu thể hoá những giá trị phi vật thể với sự sửa chữa mở rộng các di tích mỗi thời thêm một ít và có những dịp trùng tu lớn do triều đình đảm nhiệm. Đó là cách ứng xử phương Đông.

Còn người Việt thì ngược lại, lấn chiếm, phá dỡ các di sản hữu thể biến chúng thành những "di sản phi vật thể", để ngày càng bị bào mòn. Do đó nhà sử học Dương Trung Quốc đã có một nhận xét khá sắc sảo: người Việt thời chúng ta chóng quên - chóng quên sự hận thù và kẻ thù, là một tinh thần bao dung hiếm thấy, nhưng cũng chóng quên công lao của những người đi trước; mặt khác chúng ta lại học kiểu trùng tu của Pháp và phương Tây, cố phục nguyên lại như cũ - như nó vốn có. Trong khi đó di tích thì lại không được giữ gìn bảo quản cẩn thận, bị phá... lại cứ đòi trùng tu như nó vốn có... Bao giờ chúng ta dựng lại được Huế như nó vốn có, dựng được khu di tích Văn Miếu, Võ miếu, Y miếu như nó vốn có? Sao không dựng lại và mở rộng thêm, biến các di sản văn hoá phi vật thể thành vật thể để mọi người đến chiêm ngưỡng, để giáo dục các thế hệ nối tiếp...

Cuối cùng chúng tôi có một kiến nghị:

- Sắp xếp lại trật tự các di tích lịch sử của cha ông ta, sắp xếp lại việc quản lý các di tích.
- Cố gắng trả lại không gian và thời gian cho di tích, cố gắng phục hồi các di tích đã bị lấn chiếm và hữu thể hoá thành những di sản văn hoá quốc gia. Đương nhiên cuộc sống là vậy. Cái gì đã qua sẽ không làm lại được. Chỉ có điều như người ta nói: Văn hoá là cái còn lại sau khi đã quên hết - Ta cố giữ lấy những cái gì

còn lại đó sau khi đã quên hết!

Có như vậy chúng ta mới ứng xử đúng tinh thần của Đề cương văn hoá 1943: Dân tộc - khoa học và Đại chúng.

Trên đây chỉ là những nhận xét mang tính cảm nhận của chúng tôi ở một vài trường hợp cụ thể (tôi chưa dám nói là thực tiễn). Với tấm lòng quý trọng, yêu mến các di sản văn hoá của cha ông ta, của cách mạng... chúng tôi mong được góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, liên tục xuyên suốt như một sợi chỉ đỏ, xứng đáng với lịch sử của dân tộc ta, lịch sử của Đảng và cách mạng Việt Nam.

P.D.D

Chú thích

1 Claude Villereuve, Tạp chí Người đưa tin UNESCO số tháng 11 năm 1994

2 Xem Phạm Đức Dương, Đời sống tâm linh, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, số 3 (21)/2002, tr.15-20.

3 Người Việt không bao giờ để "đất trống". Họ phải lấn chiếm, phải chêm chen. Đến nỗi một số nhà cải cách giáo dục (cải cách chữ viết) đã thu hẹp độ cao của chữ h, chữ g vì có lẽ, dưới con mắt của họ nền đất của chữ viết còn thừa nhiều. Vì thế con em chúng ta mới phải học viết một thứ chữ la tinh lùn tịt mà nay người ra lại phải cải tiến để trở về với cái cũ.

4 Ngày xưa có phổ mang tên Y miếu, Hiện nay Y miếu dù bị lấn chiếm vẫn được người Hà Nội tân trang. Có 3 bàn thờ trong cùng bàn thờ Thần y Trung Quốc (còn đồ cổ), bàn thờ chung và bàn thờ Hải Thượng Lãn Ông và Tuệ Tĩnh. Xem Hà Thu "Có một Y miếu trong lòng Hà Nội" - Tạp chí Chân trời UNESCO, số 2 tháng 5-2003.

